TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2018/DS-PT
Ngày: 14-11-2018
V/v "Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân

Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Tỏ – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên**.**

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2018/TLPT- DS ngày 12 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp: "Hợp đồng dân sự vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 07/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2018/QĐ-PT ngày 15/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ơ, sinh năm: 1967; cư trú tại, đường B, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm: 1976; cư trú tại thôn N, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 10**, quyển số II/2017-SCT/CK, ĐC do Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng chứng thực ngày ***/2017), có mặt.

Bị đơn:

1/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1958; cư trú tại thôn N, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn T, sinh năm: 1966; cư trú tại đường T, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền

(Văn bản ủy quyền số **/2017, quyển số 01-SCT/CK, CĐ do Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng chứng thực ngày */*/2017), có mặt.

2/ Ông Đoàn Văn P, sinh năm: 1958; cư trú tại thị trấn Ph, huyện T, tỉnh Bình Định, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vợ chồng ông Nguyễn T, sinh năm: 1941, bà Lê Thị M1, sinh năm: 1942; cư trú tại thôn N, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Bà Lê Thị M1, sinh năm: 1942; cư trú tại thôn N, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số ***/2018, quyển số 01-SCT/CK, CĐ do Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng chứng thực ngày */*/2018), có mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1958 – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 18/01/2015 và đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 14/02/2016 của bà Nguyễn Thị Ơ, lời trình bày ông Nguyễn Hồng S, người đại diện hợp pháp của bà Ơ thì:

Để trả tiền về việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của cha mẹ bà Ơ là ông Nguyễn T, bà Lê Thị M1; vào ngày 01/01/2008, vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Đoàn Văn P vay của bà Ơ số tiền 30.000.000đ với lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả nợ vào cuối năm 2008, giữa hai bên có lập giấy vay ghi ngày 01/01/2008 và được bà Nguyễn Thị M ký tên. Do khi đến hạn trả nợ bên vay chưa trả được tiền nên ông Đoàn Văn P tiếp tục ký giấy ghi ngày 28/5/2013, xác nhận có vay của bà Ơ 30.000.000đ vào năm 2008 và hẹn đến cuối năm 2013 thanh toán.

Đối với việc ông P viết giấy ghi ngày 27/12/2015 với nội dung trả lại vợ chồng ông Nguyễn T, bà Lê Thị M lô đất giá 30.000.000đ thì bà Ơ không hề biết vì giữa bà Ơ, vợ chồng ông Nguyễn T, bà Lê Thị M1 và vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Đoàn Văn P không hề có thỏa thuận về việc vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Đoàn Văn P trả lại đất cho ông Nguyễn T, bà Lê Thị M thì vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Đoàn Văn P sẽ không phải trả tiền vay cho bà Ơ nữa. Theo bà Ơ được biết thì trong thực tế vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Đoàn Văn P chưa trả lại lô đất cho vợ chồng ông Nguyễn T, bà Lê Thị M1 như ông P đã viết trong giấy trả lại đất ngày 27/12/2015. Nay bà Ơ có đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị M, ông Đoàn Văn P cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc là 30.000.000đ và tiền lãi theo mức 0,75%/tháng tính từ 01/01/2009 đến 31/12/2015 là 18.900.000đ.

Bà Nguyễn Thị M thừa nhận vợ chồng bà có vay của bà Ơ 30.000.000đ vào năm 2008 vì vào năm 2007 vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng của cha mẹ bà Ơ là vợ chồng bà Lê Thị M1, ông Nguyễn T 01 lô đất thổ cư có diện tích 100m^2 với giá 50.000.000đ, do vợ chồng bà chỉ trả được 20.000.000đ nên vay của bà Ơ 30.000.000đ để trả đủ cho vợ chồng bà M1, ông T. Do sau đó bà và ông P có mâu thuẫn nên ông P viết giấy trả lại đất cho vợ chồng bà M1, ông T vì vậy vợ chồng bà không còn nợ bà Ơ nữa nên không đồng ý trả tiền như nguyên đơn yêu cầu.

Ngoài ra vào năm 2005 vợ chồng bà có sang khoán của vợ chồng bà Lê Thị M1, ông Nguyễn T 01 lô đất nhận khoán của Nông trường ** tại thôn N, xã L, huyện D có diện tích 1.000m^2 (ngang mặt đường 10m, dài 100m), đã trả đủ tiền và hoàn tất thủ tục sang khoán vào năm 2005. Tất cả các lần nhận chuyển nhượng đất đều do ông P đứng ra thỏa thuận giá cả, ký giấy tờ nên bà không biết cụ thể nội dung giao dịch, bà khẳng định không ký giấy tờ gì liên quan đến việc vay tiền của bà Ơ. Trường hợp nếu ông P vay bà Ơ khoản nào khác thì ông P tự thanh toán.

Theo bản tự khai ngày 07/4/2017 và Biên bản ghi lời khai ngày 07/4/2017, thì ông Đoàn Văn P trình bày như sau: vào năm 2008 vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng 01 lô đất thổ cư với giá 40.000.000đ của vợ chồng bà M1, ông T (cha, mẹ của bà Ơ). Để có tiền thanh toán, ông ký giấy vay của bà Ơ 30.000.000đ, hẹn cuối năm 2008 sẽ trả. Do sau đó vợ ông (bà Nguyễn Thị M) bị bệnh nên không chưa có tiền trả nợ vì vậy ông thỏa thuận trả lại đất cho vợ chồng bà M1, ông T và vợ chồng bà M1, ông T có trách nhiệm trả số tiền 30.000.000đ cho bà Ơ. Do chưa lấy lại giấy vay từ bà Ơ nên nay ông đồng ý vợ chồng ông sẽ có trách nhiệm trả cho bà Ơ 30.000.000đ; xin được trả làm 03 lần vào tháng 8/2017, tháng 12/2017 và tháng 4/2018, mỗi lần trả 10.000.000đ, đề nghị nguyên đơn không tính lãi.

Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 09/11/2017 và văn bản đề ngày 17/8/2018, ông P xác định: việc trả lại đất được thực hiện vào ngày 27/12/2015, khi trả lại đất lẽ ra ông phải lấy lại của vợ chồng bà M1, ông T 30.000.000 đồng để trả cho bà Ơ, nhưng vì vợ chồng bà M1, ông T là cha mẹ của bà Ơ nên ông tin tưởng nhờ vợ chồng bà M1, ông T trả lại bà Ơ 30.000.000đ và được vợ chồng bà M1, ông T đồng ý. Nay bà Ơ căn cứ "Giấy mượn tiền" ngày 28/5/2013 để yêu cầu ông và bà Nguyễn Thị M phải trả lại 30.000.000đ là thiệt thòi cho vợ chồng ông, đề nghị Tòa xem xét.

Theo lời trình bày của vợ chồng ông Nguyễn T, bà Lê Thị M1 thì vào năm 2005 vợ chồng ông, bà thỏa thuận sang khoán cho vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Đoàn Văn P 01 lô đất nhận khoán của Nông trường ** có diện tích 600m^2 (ngang 6m, dài 100m) và đã nhận đủ tiền. Tuy nhiên, khi làm thủ tục sang khoán

thì cán bộ Nông trường ** nói sang khoán 1.000m^2 cho dễ tính sản lượng, vì vậy vợ chồng ông, bà làm giấy tờ sang khoán cho vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Đoàn Văn P đủ 1.000m^2 (ngang 10m, dài 100m). Tuy nhiên thực tế chỉ giao cho vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Đoàn Văn P 600m^2 đất (ngang 6m, dài 100m), đối với diện tích 400m^2 (ngang 4m, dài 100m) vợ chồng ông, bà vẫn sử dụng.

Vào năm 2007 vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Đoàn Văn P tiếp thỏa thuận bằng lời nói nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông, bà 02 lô đất tại thôn N, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng bao gồm:

- 01 lô đất thổ cư 100m^2 (ngang 5m, dài 20m) giá 50.000.000đ. Do vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Đoàn Văn P không có tiền trả nên đã lập giấy ngày 06/3/2009 trả lại 100m^2 đất này cho vợ chồng ông, bà.

- 01 lô đất nhận khoán của Nông trường ** diện tích 400m^2 (ngang 4m, dài 100m) với giá 30.000.000đ, lô đất này liền kề với lô đất 600m^2 đất đã sang khoán cho vợ chồng ông P vào năm 2005, nên về giấy tờ vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Đoàn Văn P đã đứng tên hợp đồng 400m^2 này với Nông trường 22/12 từ năm 2005. Sau khi thỏa thuận, vợ chồng ông đã giao đủ 400m^2 đất cho vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Đoàn Văn P canh tác. Do không có tiền nên bà Nguyễn Thị M, ông Đoàn Văn P vay của bà Ơ 30.000.000đ để trả cho vợ chồng ông, bà vào ngày 01/01/2008. Do đến hạn nhưng không có tiền trả cho bà Ơ nên ông P viết giấy ngày 27/12/2015 cam kết sẽ trả lại đất cho vợ chồng ông, bà nhưng chưa thực hiện, việc cam kết trả lại đất bà Ơ không hề biết. Do đó, vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Đoàn Văn P phải trả cho bà Ơ số tiền 30.000.000đ đã vay là đúng. Vợ chồng ông, bà cũng không yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Đoàn Văn P phải trả lại lô đất như ông P đã cam kết trong giấy ngày 27/12/2015.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 26/2018/DS-ST ngày 07/9/2018 Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ơ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Đoàn Văn P có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ơ số tiền vay 48.900.000đ (gồm 30.000.000đ nợ gốc và 18.900.000đ nợ lãi).

Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ơ phải chịu 1.500.000đ chi phí giám định (đã nộp đủ).

Về án phí: Buộc ông Đoàn Văn P phải chịu 1.222.500đ án phí dân sự sơ thẩm. Miễn cho bà Nguyễn Thị M 1.222.500đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ơ số tiền 1.222.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu

số AA/2013/0005045 ngày 23/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về lãi suất, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 17/9/2018 bà Nguyễn Thị M kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không buộc bà phải liên đới cùng ông Đoàn Văn P trả cho bà Ơ số tiền 48.900.000đ.

Tại phiên tòa,

Bà Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa bà Nguyễn Thị Ơ và vợ chồng ông Đoàn Văn P, bà Nguyễn Thị M có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản với số tiền gốc là 30.000.000đ. Do bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 48.900.000đ (trong đó 18.900.000đ tiền lãi), bà Nguyễn Thị M không đồng ý còn ông P chỉ chấp nhận trả nợ gốc nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là *"Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản"* là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét thấy rằng, việc vay nợ giữa các bên là có xảy ra trong thực tế, theo chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thì nội dung "Giấy vay tiền" ngày 01/01/2008 thể hiện bà Ơ có cho vợ chồng ông P, bà M vay số tiền 30.000.000đ, hạn thanh toán vào cuối năm 2008, bà Nguyễn Thị M thừa nhận vợ chồng bà có vay số tiền nói trên, ông P cũng đồng ý trả cho bà Ơ tiền gốc, không đồng ý trả tiền lãi, còn bà M không chấp nhận trả nợ vì cho rằng số tiền 30.000.000đ bị đơn vay của bà Ơ dùng để trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Nguyễn T, bà Lê Thị M1 là cha mẹ của bà Ơ, do vợ chồng bà M và ông P có mâu thuẫn nên ông P đã viết giấy trả lại đất cho vợ chồng bà M1, ông T nên vợ chồng bị đơn không còn nợ tiền của bà Ơ nữa. Tuy nhiên, số tiền 30.000.000đ vợ chồng ông P, bà M vay của bà Ơ dùng để trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho cha, mẹ bà Ơ là một quan hệ riêng biệt và hoàn toàn độc lập, không liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Đoàn Văn P, bà Nguyễn Thị M với vợ chồng ông Nguyễn T, bà Lê Thị M1. Ngoài ra, các đương sự cũng thừa nhận tại thời điểm vợ chồng ông P, bà M trả lại đất cho vợ chồng ông T, bà M1 vào ngày 27/12/2015 thì không có mặt bà Ơ tham gia chứng kiến và các bên cũng không

có thỏa thuận với nhau về việc vợ chồng ông Nguyễn T, bà Lê Thị M1 sẽ trả cho bà Ơ thay vợ chồng ông P, bà M số tiền 30.000.000đ. Do đó, bà Ơ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đoàn Văn P, bà Nguyễn Thị M cùng có trách nhiệm trả cho bà Ơ số tiền 30.000.000đ nợ gốc và tiền lãi 0,75%/tháng tính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2015 là 18.900.000đ là có căn cứ.

[3] Việc bà Nguyễn Thị M không đồng ý cùng có nghĩa vụ liên đới với ông P trả cho bà Ơ số tiền 48.900.000đ thì thấy rằng dù giữa bà Nguyễn Thị M và ông Đoàn Văn P không đăng ký kết hôn, không sống chung hơn mười năm nay và hiện nay ông P đã chuyển về quê sinh sống, tuy nhiên bà M cũng thừa nhận giữa bà và ông P chung sống với nhau từ năm 1977 và có làm đám cưới theo phong tục tập quán, căn cứ quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà M là hôn nhân thực tế. Như vậy, quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch từ năm 2008 đến hết năm 2013 (trước thời điểm ông P về quê sinh sống) là thuộc về vợ chồng ông P, bà M nên bà Ơ yêu cầu vợ chồng ông P, bà M cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà số tiền 48.900.000đ trong đó nợ gốc 30.000.000đ, nợ lãi 18.900.000đ là có cơ sở chấp nhận.

Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần buộc bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên đới cùng với ông Đoàn Văn P trả nợ cho bà Nguyễn Thị Ơ.

[4] Đối với việc giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Đoàn Văn P, bà Nguyễn Thị M với vợ chồng ông Nguyễn T, bà Lê Thị M1 các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] *Về án phí:* Do tại thời điểm Tòa án giải quyết, bà Nguyễn Thị M đã 60 tuổi (sinh ngày 15/3/1958) nên theo quy định của Luật người cao tuổi thì bà M là người cao tuổi, ngoài ra bà M là hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn tiền án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm cho bà M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M về việc không chấp nhận liên đới cùng với ông Đoàn Văn P có trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị Ơ, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm về phần này.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ơ về việc "Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản" với bà Nguyễn Thị M, ông Đoàn Văn P.

Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Đoàn Văn P phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ơ số tiền 48.900.000đ (bốn mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), nợ lãi là 18.900.000đ (mười tám triệu chín trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị M.

Ông Đoàn Văn P phải chịu 1.222.500đ án phí sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ơ được nhận lại số tiền 1.222.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0005045 ngày 23/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện D, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch